

Bản án số: 16/2026/HS-PT
Ngày 22-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Huy Hiệu

Bà Đoàn Thị Hương Nhu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 222/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Bình Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

H, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2006, tại thành phố Hải Phòng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 02 tháng 05 ngày); Căn cước công dân: 031206001329; nơi cư trú: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng (cũ là: Thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/5/2025; có mặt;

Người bào chữa: Ông Nguyễn Lâm P – Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- **Bị cáo không có kháng cáo:** **Phạm Ngọc L**, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2006, tại thành phố Hải Phòng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 05 tháng 06 ngày); Căn cước công dân: 031206098713; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng (cũ là: Khu E thị trấn T, huyện T thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp:

Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị A, sinh năm 1983; chưa có vợ, con; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/12/2024; có mặt;

- Các bị hại không có kháng cáo:

1. Anh Hà Vũ Minh T, sinh năm 2006; đăng ký thường trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại (anh Hà Vũ Minh T): Ông Hà Minh T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn K, xã N, tỉnh Hưng Yên và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng (là bố, mẹ đẻ của anh Hà Vũ Minh T);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1: Ông Vũ Văn H2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

(Theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2025)

2. Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 2006; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 04/3/2023, Phạm Ngọc L, không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 (có dung tích xi lanh 134cm³) tham gia giao thông trên đường 354 theo hướng từ Cầu Minh Đ1 đi Cầu Khuê, chở anh Nguyễn Thế N và anh Hà Vũ Minh T (ngồi sau cùng) đi với tốc độ khoảng 20km/h theo lời khai của L. Khi đi đến khu vực đối diện ga ra ô tô Đ thuộc khu F, xã T, thành phố Hải Phòng, L bật xi nhan bên trái để chuyển hướng đi lên đê sông V. Lúc này, L phát hiện phía trước có xe mô tô (không đeo biển kiểm soát, có dung tích xi lanh 49cm³) do Hoàng Bình Đ điều khiển đi theo hướng ngược lại, cách xe của L khoảng 05 đến 10m. Do L điều khiển xe mô tô chuyển hướng không nhường đường cho xe đang đi trên đường ngược chiều, còn Đ điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi qua khu vực có biển báo hiệu khu vực đông dân cư nên phần đầu xe mô tô của Đ đã va chạm với phần sườn bên phải xe mô tô do L điều khiển, làm L, T, N, Đ bị thương phải đưa đi cấp cứu. Đến ngày 24/6/2024, anh T tử vong.

Kết quả khám nghiệm tử thi đối với anh T thể hiện: Sẹo phẫu thuật vùng trán đỉnh thái dương phải hình vòng cung từ vùng giữa trán đến trước tai phải kích thước 20 x 01cm. Kiểm tra thấy khuyết xương hộp sọ vùng trán đỉnh thái dương phải.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 186/KLGĐTTPYHP ngày 07/8/2024 của Trung tâm Pháp y thành phố H, kết luận: *Anh T bị chấn thương sọ não gây vỡ xương mặt sọ, tụ máu dưới màng cứng, xuất huyết dưới nhện, đập dập chảy máu nhu mô não, phù não, đã được phẫu thuật. Khám nghiệm bên ngoài tử thi và hồ sơ bệnh án kết luận anh T chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục do chấn thương sọ não nặng hôn mê sâu thở máy kéo dài, viêm phổi, sốc nhiễm khuẩn huyết.*

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 243/KLTgTHS-TTPYHP ngày 21/5/2025 của Trung tâm Pháp y thành phố H kết luận thương tích của Đ qua nghiên cứu hồ sơ là 21%, với các thương tích: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do vỡ xương trán phải gây nên là 09%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do vỡ trần hốc mắt phải gây nên là 06%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do gãy rạn 1/3 dưới xương quay phải gây nên là 08%; thân xương đùi phải đã phẫu thuật kết hợp xương gây nên là 21%; Kết luận khác: Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 244/KLTgTHS-TTPYHP ngày 21/5/2025 của Trung tâm Pháp y thành phố H kết luận thương tích của anh N qua nghiên cứu hồ sơ là 24%, với các thương tích: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do sọc vết thương vùng gò phải gây nên là 01%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do sọc vết phẫu thuật mặt trước ngoài đùi phải gây nên là 03%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do gãy thân xương đùi phải đã phẫu thuật kết hợp xương gây nên là 21%; kết luận khác: Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường C thuộc khu F, xã T, thành phố Hải Phòng (thuộc chiều Cầu K). Đường rộng 11m, trải nhựa, chia thành 02 chiều đường xe chạy, có vạch kẻ sơn màu vàng đứt đoạn. Tại lề đường bên phải theo hướng Cầu K có biển báo chỉ dẫn bắt đầu khu đông dân cư (biển R.420) và giao nhau với đường không ưu tiên (biển 207a), biển báo đường bị thu hẹp (biển 203a). Xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 đổ nghiêng bên trái và nằm trên mép đường tại phần đường theo chiều từ Cầu K. T2 trục bánh trước, bánh sau bên phải cách mép đường chuẩn lần lượt là 0,5m và 0,3m, cách biển báo hiệu 203a và 207a là 120m. Xe mô tô không biển kiểm soát đổ nghiêng bên trái và nằm tại phần đường bên phải theo chiều đi của xe. T2 trục bánh trước, bánh sau cách mép đường chuẩn lần lượt là 3,7m và 3,6m. Hiện trường để lại vết cày đứt đoạn dài 3,3m, điểm đầu cách mép đường chuẩn là 4,5m, điểm cuối trùng với chân phanh sau bên phải xe mô tô không biển kiểm soát.

Theo Công văn số 282/CTĐB-KHKT ngày 30/9/2024 của Công ty cổ phần Đ3 thì đoạn đường xảy ra tai nạn, phía phải tuyến chịu hiệu lực của biển báo hiệu khu đông dân cư.

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 có các dấu vết: Mặt ngoài phía dưới cánh yếm nhựa phía trước bên trái xuất hiện vết mài xước, vỡ nhựa kích

thước (4 x 2)cm, tâm cách mặt đất 20cm. Mặt ngoài cần số xuất hiện vết mài xước kim loại kích thước (0,5 x 0,5)cm. Mặt ngoài phía đuôi xe bên trái xuất hiện vết mài xước nhựa kích thước (20 x 91)cm.

Kết quả khám xe mô tô không biển kiểm soát có các dấu vết: Phần nhựa bảo vệ đầu xe bị lực tác động làm bung vỡ kích thước (30 x 14)cm. Cụm đèn chiếu sáng phía trước và xi nhan chuyển hướng phía trước bên phải, trái bị lực tác động làm vỡ vỡ kích thước (20 x 10)cm. Giá đỡ chân trước bên trái bị lực tác động làm lệch từ phải sang trái.

Kết luận giám định số 2306/KL-KTHS ngày 5/8/2024 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: Đặc điểm cơ học của các dấu vết trên xe mô tô mang biển kiểm soát 15B1-584.10 và xe mô tô không mang biển kiểm soát (nhãn hiệu HALIM) hiện tại không thể hiện rõ nên không đủ yếu tố giám định. Không đủ cơ sở xác định dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 và xe mô tô không mang biển kiểm soát (nhãn hiệu HALIM). Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô mang biển kiểm soát 15B1-584.10 và xe mô tô không mang biển kiểm soát (nhãn hiệu HALIM) tại thời điểm trước khi xảy ra va chạm.

Bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐG ngày 26/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: *Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HALIM, không mang biển kiểm soát bị thiệt hại 1.330.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 bị thiệt hại là 720.000 đồng.*

Kết luận giám định số 2213/KL-KTHS ngày 23/7/2024 của Phòng K và phiếu trả lời xác minh phương tiện của Công an huyện T, kết luận: *Xe mô tô do Đ điều khiển có biển kiểm soát là **15AA-096.22** có số khung, số máy là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự; chủ xe là Nguyễn Văn T3, sinh năm 2003 ở xã thôn A, xã T, xe có dung tích xi lanh 49cm³. Xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 có số khung, số máy là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự. Chủ xe là Nguyễn Trung Đ2, sinh năm 1994 ở số B, lô E đường Đ, phường N, thành phố Hải Phòng, xe có dung tích xi lanh 134cm³. Xe mô tô nhãn hiệu HALIM, biển kiểm soát 15AA-096.22 do anh T3 mua từ năm 2018; đến tháng 02/2023 bán lại cho Đ; trong quá trình sử dụng xe, Đ làm rơi mất biển kiểm soát. Xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 do anh Đ2 mua từ năm 2012; đến năm 2021, bán lại cho cửa hàng mua bán xe máy cũ (không nhớ tên, địa chỉ của cửa hàng); khoảng tháng 8/2022, L mua lại chiếc xe này ở khu vực phường A, thành phố Hải Phòng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra thu giữ của L 01 xe mô tô biển kiểm soát 15B1-584.10 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 017118 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H cấp ngày 09/7/2015; thu giữ của Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM không đeo biển kiểm soát và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 192322 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H cấp ngày 12/9/2018.*

Đại diện hợp pháp cho bị hại Hà Vũ Minh T yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 1.344.243.156 (Một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng bao gồm tiền thuốc, tiền điều trị, tiền mất thu nhập của người chăm sóc, tiền mai táng phí và tổn thất tinh thần. Bị cáo L đã bồi thường 05 (năm triệu) đồng, bị cáo Đ đã bồi thường 20 (hai mươi triệu) đồng. Các bị cáo tiếp tục còn phải bồi thường số tiền là 1.319.243.156 đồng (một tỷ ba trăm mười chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

Bị cáo Hoàng Bình Đ yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền là 156.304.422 (Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm linh bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng bao gồm tiền thuốc, viện phí, sửa chữa xe máy, công người chăm sóc, tiền mất thu nhập và tiền mua thuốc ngoại trú.

Bị cáo Phạm Ngọc L và bị hại Nguyễn Thế N không đặt ra vấn đề bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 260, Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L và bị cáo Hoàng Bình Đ phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 36 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Xử phạt bị cáo Hoàng Bình Đ 12 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Ngọc L và Hoàng Bình Đ không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự, Buộc Phạm Ngọc L và Hoàng Bình Đ phải liên đới bồi thường cho ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1 số tiền 1.334.843.156 đồng; chia kỷ phần, Phạm Ngọc L và Hoàng Bình Đ mỗi bị cáo phải bồi thường 667.421.578 đồng. Phạm Ngọc L còn phải bồi thường cho ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1 số tiền 662.421.578 đồng, Hoàng Bình Đ còn phải bồi thường cho ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1 số tiền 647.421.578 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của Phạm Ngọc L về việc bồi thường cho Hoàng Bình Đ số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2025, bị cáo Hoàng Bình Đ kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 20/9/2025, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Lý do: Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo hình phạt 01 năm tù và phải bồi thường số tiền 667.421.578 đồng cho bị hại là không khách quan và không phù hợp với tình tiết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, bị cáo đã chấp hành các quy định khi tham gia giao thông. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Phạm Ngọc L điều khiển xe máy đi ngược chiều với tốc độ cao nên đã đâm vào bị cáo. Bị cáo yêu cầu bị cáo Phạm

Ngọc L phải bồi thường chi phí chữa trị thương tích của bị cáo với tổng số tiền là 156.674.422 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Bình Đ giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; giảm số tiền bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại. Yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho bị cáo chi phí chữa trị thương tích như nêu trên. Bị cáo khai nhận: Khoảng 21h00' ngày 04/3/2023 bị cáo Đ điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát được đăng ký 15AA-096.22 (thời điểm này xe không đeo biển kiểm soát do bị rơi mất) đi một mình trên đường C theo hướng Cầu K đi Cầu Đen với tốc độ khoảng 40km/h. Khi bị cáo vừa điều khiển xe qua đoạn giao nhau với đê sông V khoảng 6m thì va chạm với xe mô tô BKS 15B1-584.10 trên xe chở 03 người, đi ngược chiều, chuyển hướng rẽ trái nhưng không xi nhan, không bật đèn chiếu sáng phía trước cách đầu xe của bị cáo khoảng 03m. Bị cáo phanh xe để giảm tốc độ nhưng do khoảng cách quá gần, bị cáo không xử lý kịp nên đầu xe mô tô do bị cáo điều khiển đã đâm vào sườn bên phải của xe mô tô này. Thời điểm này, bị cáo thấy N bị gãy chân, T bị bất tỉnh, còn L đứng cạnh đó. Bị cáo bị thương ở trán, mắt. Theo bị cáo nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn là do L điều khiển xe khi chuyển hướng từ trái sang phải theo chiều đi của bị cáo không đảm bảo an toàn và không nhường đường cho xe của bị cáo. Do lúc đó trời tối, bị cáo không làm chủ tốc độ nên khi phát hiện thấy xe của L đã không kịp thời điều khiển xe dừng lại để tránh va chạm. Trong vụ tai nạn này bị cáo cũng có lỗi nhưng chủ yếu do lỗi của bị cáo L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội để bị cáo có điều kiện đi làm, bồi thường dân cho đại diện hợp pháp của người bị hại.

Bị cáo Phạm Ngọc L trình bày: Đối với yêu cầu của bị cáo Đ về việc buộc bị cáo L phải bồi thường số tiền 156.674.422 đồng, nhưng bị cáo Đ không có tài liệu gì chứng minh nên bị cáo L không đồng ý. Bị cáo L chỉ đồng ý bồi thường cho bị cáo Đ số tiền 10.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường cho đại diện của bị hại T, bị cáo nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện của bị hại cho biết: Đại diện bị hại đã nộp bản tổng hợp tiền thuốc, chi phí điều trị, các khoản chi phí khác của bị hại Hà Vũ Minh T cho Toà án cấp sơ thẩm kể từ khi bị hại T bị tai nạn cho đến khi bị hại chết đúng như số tiền mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, căn cứ vào các hoá đơn, tài liệu đã nộp thì tổng chi phí giảm so với bản tổng hợp là 107.987.404 đồng nên tại phiên toà phúc thẩm, đại diện của bị hại chỉ yêu cầu các bị cáo L và Đ phải bồi thường số tiền là 1.236.255.752 đồng. Về mức hình phạt đối với các bị cáo thì đại diện bị hại không có ý kiến gì.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với kháng cáo của bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã

tuyên bị cáo Hoàng Bình Đ phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy lỗi dẫn đến vụ tai nạn là lỗi hỗn hợp của bị cáo L và bị cáo Đ, trong đó bị cáo Đ có một phần lỗi là không chấp hành biển báo giao thông, không làm chủ tốc độ. Tại thời điểm phạm tội bị cáo còn ở độ tuổi chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ tài liệu, chứng cứ về điều trị thương tích, cũng như các chi phí thiệt hại khác của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo theo hướng, bị cáo Đ phải chịu 40% tổng chi phí thiệt hại; bị cáo L phải chịu 60% tổng chi phí thiệt hại. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Đ, buộc bị cáo L phải bồi thường chi phí thiệt hại như đã kháng cáo là không có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên mức bồi thường như bản án sơ thẩm đã quyết định. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung đã phân tích nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Đ phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm của Viện Kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ và L phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền hơn 400.000.000 đồng, bị cáo Đ có nghĩa vụ bồi thường ít hơn bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Hoàng Bình Đ nộp trong thời hạn luật định, đúng thủ tục, đúng với quy định tại các Điều 332, 333 và 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Bình Đ là hợp pháp, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Bình Đ về hình phạt; trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại và kháng cáo yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại cho bị cáo:

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và giai đoạn sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Ngọc L, bị hại Nguyễn Thế N; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ lập hồi 14 giờ ngày 21/4/2023; Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ lập ngày 05/3/2023 và ngày 01/8/2024; Biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm xảy ra vụ tai nạn và các tình tiết của vụ án. Lời khai đó của bị cáo còn được chứng minh bằng Hồ sơ bệnh án; bản Kết luận giám định tử thi số

186/2024/KLGĐTT-TTPYHP ngày 07/8/2024 của Trung tâm P đối với bị hại Hà Vũ Minh T, đã kết luận: Khám nghiệm bên ngoài tử thi và hồ sơ bệnh án kết luận nạn nhân Hà Vũ Minh T, sinh năm 2006 chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không phục hồi do chấn thương sọ não nặng hôn mê sâu thở máy kéo dài, viêm phổi, sốc nhiễm khuẩn huyết. Các thương tích của nạn nhân có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên; bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 244/2025/KLTgTHS-TTPYHP ngày 21/5/2025 đối với bị hại Nguyễn Thế N, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thế N qua hồ sơ là: 24% (do sẹo vết thương vùng gòí phải, do sẹo vết phẫu thuật mặt trước ngoài đùi phải, tổn thương cơ thể do gãy thân xương đùi phải đã phẫu thuật); các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên; bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 243/2025/KLTgTHS-TTPYHP ngày 21/5/2025 đối với bị cáo Hoàng Bình Đ, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Bình Đ qua hồ sơ là 21% (do vỡ xương trán phải, do vỡ trần hốc mắt phải, do gãy rạn 1/3 dưới xương quay phải, xây xước da mí mắt phải không rõ có để lại sẹo hay không, sưng nề, bầm tím quanh mắt phải, vỡ trần hốc mắt phải không xác định được có gây giảm thị lực hay không); các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/3/2023, Phạm Ngọc L không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS 15B1-584.10 có dung tích xi lanh 134cm³ chở theo sau là bị hại Nguyễn Thế N và Hà Vũ Minh T đã va chạm với xe mô tô không đeo biển kiểm soát, có dung tích xi lanh 49cm³ do bị cáo Hoàng Bình Đ điều khiển tại đường C (đối diện với ga ra ô tô Đông Cường ở khu F T). Hậu quả: Bị cáo Đ bị tổn thương cơ thể 21%; bị hại N tổn thương cơ thể 24%, bị hại Hà Vũ Minh T tử vong sau khoảng 15 tháng điều trị; xe mô tô của Hoàng Bình Đ bị hư hỏng, giá trị khắc phục là 1.330.000 đồng, xe mô tô của Phạm Ngọc L bị hư hỏng, giá trị khắc phục là 720.000 đồng. Nguyên nhân: Do bị cáo L điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang đường không chú ý quan sát, không nhường đường cho xe đang đi trên đường ngược chiều. Bị cáo Đ điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn khi đi qua nơi có biển báo hiệu khu vực đông dân cư. Bị cáo L đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 (nay là khoản 2 Điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông năm 2024). Bị cáo Đ đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 đã được cụ thể hoá tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019 ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn của xe cơ giới khi tham gia giao thông đường bộ (nay là điểm e khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông năm 2024). Hành vi của bị cáo Hoàng Bình Đ đã phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an toàn giao thông nên cần phải được xử lý thoả đáng.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3.1] Bị cáo Hoàng Bình Đ chưa có tiền án, tiền sự, lần này bị cáo phạm tội là lần đầu. Tại thời điểm phạm tội bị cáo Đ 16 tuổi 02 tháng 05 ngày nên khi quyết định hình phạt và mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng sẽ xem xét các quy định tại các Điều 12, 90, 91, 98 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[3.2] Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; tại giai đoạn sơ thẩm đã bồi thường một phần thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền là 20.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là lỗi hỗn hợp của bị cáo Phạm Ngọc L và bị cáo Hoàng Bình Đ. Tuy nhiên, bị cáo L có lỗi nhiều hơn nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Đ cả về hình phạt và trách nhiệm dân sự. Bị cáo Đ vừa là bị cáo nhưng cũng chịu thiệt hại trong vụ tai nạn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ với mức án 01 năm tù là có phần nghiêm khắc và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự ngang bằng với bị cáo L là chưa đảm bảo tính công bằng. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Đối với trách nhiệm hình sự, cần giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo Đ được hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Hà Vũ Minh T: Bản án sơ thẩm đã xác định tổng thiệt hại mà bị cáo L và bị cáo Đ phải bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Hà Vũ Minh T là 1.334.843.156 đồng trên cơ sở đã tính toán các chi phí hợp lý của quá trình điều trị thương tích (cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe) của bị hại Hà Vũ Minh T; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại T trong thời gian điều trị; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền bồi thường tổn thất về tinh thần căn cứ vào bệnh án, hoá đơn, chứng từ do đại diện hợp pháp của bị hại nộp và quá trình điều trị thương tích của bị hại về cơ bản là có căn cứ và hợp lý. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại các tài liệu, chứng cứ hợp pháp do đại diện của bị hại nộp thì thấy rằng tổng các chi phí điều trị thương tích và các chi phí hợp lý khác là 1.236.255.752 đồng (giảm 98.587.404 đồng so với quyết định của bản án sơ thẩm). Tại phiên toà phúc thẩm đại diện bị hại xác nhận số tiền này là đúng với hoá đơn, chứng từ đã nộp cho Tòa án nên tại phiên toà phúc thẩm chỉ còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại là 1.236.255.752 đồng. Do đó, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho đại diện

hợp pháp của bị hại số tiền này. Bản án sơ thẩm đã đánh giá lỗi gây ra thiệt hại của bị cáo L và Đ tương đương nhau là chưa phù hợp với mức độ lỗi của mỗi bị cáo như đã phân tích ở trên. Do vậy, cần phải xác định lại mức bồi thường thiệt hại theo lỗi của mỗi bị cáo, chia phần cụ thể bị cáo L phải chịu 60% tương đương với số tiền là 741.753.451 đồng, bị cáo Đ phải chịu 40% tương đương với số tiền là 494.502.300 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo L đã bồi thường 5.000.000 đồng nên còn phải bồi thường số tiền là 736.753.451 đồng; bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng nên còn phải bồi thường số tiền 474.502.300 đồng (Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 591 của Bộ luật Dân sự).

[5.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị cáo Đ đối với bị cáo Phạm Ngọc L: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại cho bị cáo Đ: Tiền thuốc điều trị: 8.451.558 đồng; tiền viện phí: 4.022.864 đồng; tiền sửa chữa xe máy: 1.500.000 đồng; tiền công chăm sóc 02 người trong 11 ngày với số tiền 720.000 đồng/ngày là 7.700.000 đồng; bồi thường thiệt hại do thu nhập của bị cáo bị giảm trong thời gian 20 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng là 120.000.000 đồng; tiền bồi thường do sức khỏe giảm 21% là 80.000.000 đồng. Số tiền điều trị ngoại trú mua thuốc hết 15.000.000 đồng. Tổng cộng: 156.674.422 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với các khoản bị cáo Đ yêu cầu bồi thường và có hoá đơn, chứng từ chứng minh tiền thuốc và tiền viện phí là: 8.451.558 đồng (khoản tiền viện phí bị cáo Đ yêu cầu thực chất đã nằm trong tổng số tiền này). Về thiệt hại tài sản đã được cơ quan chuyên môn định giá là 1.330.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận cho bị cáo Đ 02 khoản tiền bồi thường này. Ngoài ra, bị cáo Đ nằm viện trong thời gian 11 ngày nên có thể xem xét thêm cho bị cáo khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe là 150.000 đồng/ngày x 11 ngày = 1.650.000 đồng, cộng: 11.431.558 đồng (Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự). Các khoản yêu cầu còn lại bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nên không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, theo phân chia lỗi thì bị cáo L phải chịu 60%, bị cáo Đ phải chịu 40%. Như vậy, số tiền bị cáo L phải bồi thường là 6.858.934 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng, cao hơn số tiền mà bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo L bồi thường cho bị cáo Đ số tiền là 10.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm quyết định: Bị cáo L tự nguyện bồi thường cho bị cáo Đ 10.000.000 đồng là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ về nội dung này.

[5.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6.1] Về án phí: Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Về án phí dân sự bồi thường: Bị cáo Phạm Ngọc L và bị cáo Hoàng Bình Đ phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Bình Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm s, b khoản 1 Điều 51; các Điều 12, 90, 91, 98 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Tuyên bố bị cáo Hoàng Bình Đ phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Bình Đ 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Bình Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Hoàng Bình Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hoàng Bình Đ.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 591 của Bộ luật Dân sự;

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Buộc bị cáo Phạm Ngọc L và bị cáo Hoàng Bình Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Hà Vũ Minh T là ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1 tổng số tiền là 1.236.255.752 đồng. Chia phần cụ thể: Bị cáo Phạm Ngọc L phải bồi thường số tiền là: 736.753.451 đồng (đã trừ số tiền bồi thường 5.000.000 đồng); bị cáo Hoàng Bình Đ phải bồi thường số tiền là: 474.502.300 đồng (đã trừ số tiền bồi thường 20.000.000 đồng).

Kể từ ngày ông Hà Minh T1 và bà Vũ Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bị cáo Phạm Ngọc L và bị cáo Hoàng Bình Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Buộc bị cáo Phạm Ngọc L phải bồi thường thiệt hại cho bị cáo Hoàng Bình Đ số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày Hoàng Bình Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bị cáo Phạm Ngọc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về án phí dân sự bồi thường:

3.1.1. Bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu 33.470.138 đồng tiền án phí dân sự bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Hà Minh T và 500.000 đồng tiền án phí dân sự bồi thường cho bị cáo Hoàng Bình Đ, cộng: 33.970.138 đồng.

3.1.2. Bị cáo Hoàng Bình Đ phải chịu 22.980.092 đồng tiền án phí dân sự bồi thường.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Bình Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND Khu vực 7-Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 7-Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam:
- UBND xã Tiên Lãng, TP. Hải Phòng;
- THSDS TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người TGTT;
- Lưu: HS, VP, Phòng GDKT, TTr và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương

